|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **VỤ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2024* |

**BẢNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỐI VỚI DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI, CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ,**

**XE GẮN MÁY; NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI**

Ngày 30/8/2024, Bộ GTVT có Văn bản số 9537/BGTVT-KHCN&MT gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

Ngày 23/9/2024, Bộ GTVT có Văn bản số 10190/BGTVT-KHCN&MT gửi Cục ĐKVN về việc nghiên cứu, tiếp thu giải trình ý kiến của các bên đối với văn bản QPPL hướng dẫn Luật Trật tự, ATGTĐB.

Đến ngày 27/9/2024, Cục ĐKVN nhận được tổng số có 59 văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, trong đó:

+ Có 29 cơ quan, đơn vị[[1]](#footnote-1) thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định;

+ Có 30 cơ quan, đơn vị[[2]](#footnote-2) có ý kiến góp ý.

| **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH** | **Ý KIẾN GÓP Ý** | **Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SAU KHI TIẾP THU Ý KIẾN** |
| --- | --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH**  **Quy định về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới** | **\* Sở GTVT Cần Thơ**  1. Phần trích yếu:  “*Quy định về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới*”.  - Đề nghị điều chỉnh thành:  “*Quy định về* ***điều kiện*** *cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới*”  - Lý do: Bổ sung thêm cụm từ “điều kiện” cho đầy đủ ý nghĩa và đồng bộ với nội dung các Chương trong nghị định. Hơn nữa đây là ngành nghề kinh doanh có điều kiện (theo Luật đầu tư) thì nên để từ điều kiện cho phù hợp. | Tiếp thu và chỉnh lý dự thảo. | **NGHỊ ĐỊNH**  **Quy định về điều kiện cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới** |
| **\* UBND tỉnh Tuyên Quang**  Trích yếu nội dung của dự thảo Nghị định “*Quy định về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới*” chưa thống nhất với trích yếu nội dung Văn bản số 9537/BGTVT-KHCN&MT ngày 30/8/2024 *“… quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới*”. | Giải trình:  Dự thảo Nghị định lần này bổ sung quy định đối với cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020 và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (ATGTĐB) năm 2024 đồng thời nêu rõ đối tượng áp dụng. |  |
| **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Đối với Tên của Nghị định: Đề nghị điều chỉnh thành “*Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới*” cho phù hợp với cơ sở pháp lý ban hành Nghị định, nội dung Nghị định và Tên của Nghị định tại khoản 6 mục II Phụ lục I kèm theo Quyết định số 981/QĐ-BGTVT ngày 08/8/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Đường bộ và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ. |
| *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  *Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.* | **\* Sở GTVT Hưng Yên**  a) Đề nghị Cơ quan soạn thảo tách căn cứ thứ nhất (từ trên xuống) thành hai căn cứ riêng biệt cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều vàbiện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể trình bày lại như sau:  “*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ vàLuật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;”* | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *…* |
| **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  |  |  |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ (sau đây gọi chung là xe cơ giới), kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |  | Cơ quan soạn thảo chỉnh lý cho phù hợp với quy định. | 1. Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ (sau đây gọi chung là xe cơ giới), kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| 2. Nghị định này quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 1: đề nghị thuyết minh rõ cơ sở của việc quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy vì tại khoản 1 Điều 43 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ chỉ quy định “*Cơ sở đăng kiểm là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định của Chính phủ*”. Như vậy, tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ không quy định Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Mặt khác, tại danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư cũng không có “*kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy*”. | Giải trình:  - Tại mục 74 Phụ lục IV của Luật Đầu tư năm 2020 quy định: “*Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới*” là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.  - Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024 thì xe cơ giới bao gồm xe mô tô, xe gắn máy.  - Luật Giao thông đường bộ năm 2008 chưa quy định kiểm định đối với xe mô tô, xe gắn máy, tuy nhiên Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024 đã quy định xe mô tô, xe gắn máy phải được kiểm định về khí thải (khoản 1, khoản 2 Điều 42).  Vì vậy, căn cứ các Luật nêu trên, cần phải quy định điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | 2. Nghị định này quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng, xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tham gia giao thông đường bộ. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 2: đề nghị bỏ từ “cơ quan” tại khoản 1, 2 vì từ “tổ chức” đã bao hàm cả cơ quan. | Giải trình:  Để phù hợp với quy định tại Điều 1 Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024. |  |
| **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Đề nghị sửa đổi thành: “Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ.”.  Lý do: Bỏ khoản 2 vì dễ gây nhầm lẫn liên quan đến khoản 1. Trong khi khoản 4 Điều 14 đã có quy định này. | Giải trình:  Nghị định này được xây dựng trên cơ sở ghép Nghị định số 139/2018/NĐ-CP (quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới) và Nghị định số 95/2009/NĐ-CP (quy định về niên hạn sử dụng của xe cơ giới) với đối tượng áp dụng hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, cơ quan soạn thảo tách thành 2 khoản để thuận lợi cho việc áp dụng, trích dẫn. |  |
| **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Tại Điều 2: Đề nghị rà soát, điều chỉnh đảm bảo đầy đủ đối tượng áp dụng theo phạm vi điều chỉnh của Nghị định trong cả 03 lĩnh vực (kiểm định xe cơ giới; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng xe cơ giới). | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| 2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ, trừ:  a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;  b) Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. | **\* Sở GTVT tỉnh Ninh Bình**  1. Tại điểm a khoản 2 Điều 2. Đối tượng áp dụng, đề nghị Ban Soạn thảo sửa lại như sau:  “2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ, trừ:  a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc về niên hạn sử dụng;”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện tham gia giao thông đường bộ sau đây:  a) Các loại xe ô tô chở hàng;  b) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng;  c) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;  d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.  3. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân kiểm định xe, sử dụng xe của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. |
| **\* UBND tỉnh Thanh Hóa**  Tại Khoản 2 Điều 2 Chương I quy định:  “*2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ, trừ: a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc*.”. Đề nghị bỏ điểm a để phù hợp với quy định tại Điều 1 của Nghị định này là đang áp dụng cho các đối tượng trên. |
| **\* Bộ Công thương**  Theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm định theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị làm rõ lý do Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định. | Giải trình:  Tại khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc không thuộc đối tượng áp dụng niên hạn sử dụng. Vì vậy Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng trên. |  |
| **\* Sở GTVT Cần Thơ**  Đề nghị điều chỉnh thành:  “*2. Nghị định này* ***quy định về niên hạn sử dụng xe cơ giới*** *áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ, trừ*:”  - Lý do: bổ sung cụm từ “*quy định về niên hạn sử dụng xe cơ giới*” là để  đầy đủ ý nghĩa và dễ hiểu. | Tiếp thu một phần và chỉnh lý dự thảo. | 2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện tham gia giao thông đường bộ sau đây:  a) Các loại xe ô tô chở hàng;  b) Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng;  c) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;  d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.  3. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân kiểm định xe, sử dụng xe của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Tại Điều 3: Đề nghị nghiên cứu bổ sung giải thích từ ngữ về “Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy”. | Giải trình:  Khái niệm “*Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy*” sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT được ban hành đồng bộ với Nghị định này. |  |
| **\* Sở GTVT Đồng Tháp**  Tại “*Điều 3. Giải thích từ ngữ*” của dự thảo Nghị định:  - Ý kiến góp ý: Đề nghị bổ sung vào định nghĩa/ giải thích rõ từ ngữ: “*xe cơ giới*” bao gồm những loại phương tiện nào.  - Lý do: tại khoản 18 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ 2008 quy định rõ: “*Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự*”. Nhưng tại khoản 2 Điều 2 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024 lại không có liệt kê rõ: “*Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới)*” là gồm những loại xe gì? | Giải trình:  Tại khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024 đã có quy định rõ về các loại xe cơ giới. |  |
| 1. Kiểm định xe cơ giới (gọi tắt là kiểm định) là việc kiểm tra lần đầu và định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.  2. Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận kiểm định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. |  | Cơ quan soạn thảo rà soát và bỏ phần giải thích từ ngữ tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 do đã được quy định tại dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành đồng bộ với Nghị định này. | ~~1. Kiểm định xe cơ giới (gọi tắt là kiểm định) là việc kiểm tra lần đầu và định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.~~  ~~2. Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận kiểm định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.~~ |
|  |  | Cơ quan soạn thảo bổ sung khoản 1 Điều 3. | 1. Cơ sở đăng kiểm bao gồm cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện việc kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và tổ chức đăng kiểm được Bộ Giao thông vận tải thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng. |
| 3. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là cơ sở đăng kiểm) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 3: đề nghị làm rõ quy định “Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới ...” có bao gồm xe máy chuyên dùng hay không để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 43“***Cơ sở đăng kiểm*** *là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định của Chính phủ*”. | Tiếp thu và chỉnh lý dự thảo. | 2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới. |
| **\* Sở GTVT Trà Vinh**  Tại Khoản 3, Điều 3. Giải thích từ ngữ, đề nghị bỏ cụm từ “xe máy chuyên dùng”  Lý do: Tại Điều 2. Đối tượng áp dụng không có cụm từ “xe máy chuyên dùng”. | Tiếp thu và chỉnh lý nội dung đối tượng áp dụng tại Điều 2 của dự thảo. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  a) Góp ý khoản 3 Điều 3:  Đề nghị sửa đổi thành:  “3. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là cơ sở đăng kiểm) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.”.  Lý do: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới thì hoàn toàn thực hiện được công tác kiểm định và cấp tem kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy mà không cần phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | Giải trình:  - Giữ nguyên như dự thảo để phù hợp với khoản 1 Điều 43 của Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024.  - Việc kiểm định xe cơ giới được hiểu bao gồm cả kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |  |
| 4. Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định khí thải và cấp tem kiểm định khí thải cho xe mô tô, xe gắn máy. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 4: đề nghị làm rõ cơ sở của quy định *“... cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định khí thải và cấp tem kiểm định khí thải cho xe mô tô, xe gắn máy*”. | Giải trình:  - Xe cơ giới theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024 bao gồm cả xe mô tô và xe gắn máy.  - Việc kiểm định xe cơ giới được hiểu bao gồm cả kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (khoản 1 Điều 43 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024).  - Cơ quan soạn thảo chỉnh lý cho phù hợp với quy định. | 3. Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định khí thải khí thải cho xe mô tô, xe gắn máy. |
| 5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới là chứng chỉ xác nhận cơ sở đăng kiểm đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.  6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy là chứng chỉ xác nhận cơ sở kiểm định khí thải đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 5, 6: đề nghị xem xét lại sự cần thiết của quy định này vì 02 thuật ngữ này đã thể hiện được nội hàm và không cần phải giải thích thuật ngữ. | Tiếp thu ý kiến và bỏ khoản 5, khoản 6 Điều 3 của dự thảo. | ~~5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới là chứng chỉ xác nhận cơ sở đăng kiểm đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.~~  ~~6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy là chứng chỉ xác nhận cơ sở kiểm định khí thải đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.~~ |
| 7. Đăng kiểm viên kiểm định là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên kiểm định gồm hai hạng: đăng kiểm viên kiểm định và đăng kiểm viên kiểm định bậc cao. | **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Đề nghị sửa đổi thành:  “a) Đăng kiểm viên là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên gồm có: Đăng kiểm viên chứng nhận; đăng kiểm viên kiểm định và đăng kiểm viên khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hạng đăng kiểm viên, tiêu chuẩn đăng kiểm viên và tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên.”.  Lý do:  - Việc phân loại đăng kiểm viên như trên để bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn đăng kiểm viên; phù hợp với trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo và nhiệm vụ kiểm định (kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy) của các cơ sở đăng kiểm và đăng kiểm viên; phù hợp với quy mô và thời gian tập huấn đăng kiểm viên (*ví dụ: đăng kiểm viên khí thải xe mô tô, xe gắn máy có quy mô và thời gian tập huấn ngắn hơn nhiều so với đăng kiểm viên chứng nhận và đăng kiểm viên kiểm định*).  - Do Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hạng đăng kiểm viên, tiêu chuẩn đăng kiểm viên và tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên, do vậy cần phải phân cấp trong Nghị định này. | Tiếp thu một phần và chỉnh lý dự thảo. | 7. Đăng kiểm viên kiểm định là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên kiểm định gồm hai hạng: đăng kiểm viên kiểm định và đăng kiểm viên kiểm định bậc cao. |
| **\* Sở GTVT Cần Thơ**  - Đề nghị điều chỉnh thành:  “*7. Đăng kiểm viên là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên gồm hai hạng: đăng kiểm viên xe cơ giới và đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao*.”  - Lý do: Đề nghị giữ nguyên tên gọi và 02 loại đăng kiểm viên theo hiện tại, vì nó phù hợp và dễ phân biệt, ví dụ như: tên gọi đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa thì dễ hiểu là đăng kiểm viên kiểm định phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới thì phải để là đăng kiểm viên xe cơ giới. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024. Nghị định này chỉ quy định đối với đăng kiểm viên lĩnh vực đường bộ. |  |
| 8. Phụ trách bộ phận kiểm định là đăng kiểm viên kiểm định bậc cao, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định tại dây chuyền được giao phụ trách. | **\* Sở GTVT Cần Thơ**  - Đề nghị điều chỉnh thành:  “8*. Phụ trách dây chuyền kiểm định là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định tại dây chuyền được giao phụ trách*.”  - Lý do: cho logic giữa vế trước và vế sau trong khoản 8 này. Vì cụm từ “*Phụ trách bộ phận kiểm định*” có ý nghĩa bao hàm lớn hơn (có thể có nhiều dây chuyền, có thể là cả lực lượng ĐKV của đơn vị) gắn với cụm từ “tại dây chuyền được giao phụ trách” thì chưa được logic. Thực tế trước đây cũng sử dụng cụm từ Phụ trách dây chuyền. | Giải trình:  Phụ trách bộ phận kiểm định là một chức danh chuyên môn; mỗi cơ sở đăng kiểm có thể có một hoặc nhiều phụ trách bộ phận kiểm định, được giao phụ trách một hoặc một số dây chuyền kiểm định. | 4. Lãnh đạo bộ phận kiểm định gồm Trưởng bộ phận, Phó Trưởng bộ phận là đăng kiểm viên kiểm định bậc cao và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định được giao phụ trách. |
| 9. Nhân viên nghiệp vụ là người thực hiện công việc nhận, trả, lưu trữ hồ sơ, nhập dữ liệu, tra cứu, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ xe cơ giới vào kiểm định, in kết quả kiểm định và thực hiện các nghiệp vụ văn phòng khác theo sự phân công của cơ sở đăng kiểm.  10. Xưởng kiểm định là khu vực bố trí các vị trí thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ, dụng cụ kiểm tra.  11. Dây chuyền kiểm định là nơi bố trí vị trí kiểm định, lắp đặt các thiết bị kiểm tra. Dây chuyền kiểm định gồm có hai loại:  a) Dây chuyền kiểm định loại I là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg.  b) Dây chuyền kiểm định loại II là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg.  12. Niên hạn sử dụng của xe ô tô là thời gian cho phép sử dụng của xe ô tô. |  |  |  |
| **Chương II**  **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM** |  |  |  |
| **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**  1. Chỉ tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới mới được phép hoạt động kiểm định xe cơ giới.  2. Hoạt động kiểm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật. |  |  |  |
| 3. Trong trường hợp hệ thống các cơ sở đăng kiểm không đáp ứng được nhu cầu kiểm định của tổ chức và cá nhân thì cho phép huy động cơ sở đăng kiểm và nhân lực của lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân tham gia hỗ trợ kiểm định xe cơ giới thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 3: đề nghị làm rõ cơ sở của quy định “... cho phép huy động cơ sở đăng kiểm và nhân lực của lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dântham gia hỗ trợ kiểm định xe cơ giới thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này”. Đồng thời, đề nghị làm rõ việc huy động sẽ thực hiện như thế nào, cơ quan nào có thẩm quyền huy động. | Giải trình:  Quy định này để xử lý trong các tình huống khẩn cấp như đã xảy ra trong thời gian qua nhằm tránh ùn tắc, đứt gãy hoạt động kiểm định. Việc huy động nhân lực sẽ được thực hiện trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định này. |  |
| 4. Việc xây dựng, thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp các quy hoạch có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị kiểm định hiện đại. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 4: đề nghị xem xét lại tính khả thi của quy định này vì quy định này còn chung chung sẽ gây khó khăn cho các cơ quan đơn vị trong việc triển khai thực hiện. | Giải trình:  Quy định này đưa ra các nguyên tắc chung để các địa phương cân nhắc chấp thuận việc đầu tư mới các cơ sở đăng kiểm nhằm vừa phục vụ nhu cầu kiểm định của người dân và doanh nghiệp đồng thời tránh lãng phí nguồn lực đầu tư của xã hội. |  |
| **\* UBND tỉnh Lào Cai**  Đề nghị sửa đổi như sau: “Việc xây dựng, thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp các quy hoạch có liên quan, phù hợp với số lượng, mật độ phương tiện được đăng ký trên địa bàn, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị kiểm định hiện đại.”  Lý do: số lượng, mật độ phương tiện được đăng ký trên địa bàn là một tiêu chuẩn cần thiết để đánh giá việc xây dựng thêm các cơ sở đăng kiểm phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn. | Giải trình:  Quy định “phù hợp với số lượng, mật độ phương tiện được đăng ký trên địa bàn” được quy định tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP, nhưng đã được bỏ trong dự thảo theo báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. |  |
| 5. Vị trí xây dựng cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định về đấu nối, kết nối hệ thống giao thông; thuận tiện cho xe cơ giới ra vào kiểm định; bảo đảm an toàn, thuận lợi trong quá trình hoạt động, không gây cản trở và ùn tắc giao thông, đặc biệt là tại các đô thị lớn. | **\* Sở GTVT Trà Vinh**  - Tại Khoản 5, Điều 4, đề nghị điều chỉnh, bổ sung như sau:  “Vị trí của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phải phù hợp với quy hoạch của địa phương, không ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh và đảm bảo việc di chuyển của xe cơ giới đến cơ sở đăng kiểm thuận tiện, an toàn, không gây cản trở giao thông.  Khoảng cách giữa các cơ sở đăng kiểm (được xác định theo phương pháp định vị vị trí trên bản đồ) thuộc đô thị loại đặc biệt và đô thị loại I không được nhỏ hơn 5 km; đô thị loại II và III không được nhỏ hơn 6 km; các đô thị còn lại không nhỏ hơn 7 km. Đối với khu vực ngoài đô thị khoảng cách giữa các cơ sở đăng kiểm không được nhỏ hơn 15 km; đối với địa phương miền núi, vùng cao có diện tích tự nhiên từ 8.000 km2 trở lên không được nhỏ hơn 30 km (không bao gồm cơ sở đăng kiểm được xây dựng tại Trạm dừng nghỉ của đường cao tốc, quốc lộ).”  Lý do: Làm rõ thêm vị trí của đơn vị đăng kiểm, thuận tiện quy hoạch cho địa phương, mang lại hiệu quả hoạt động. | Giải trình:  Nội dung về vị trí cơ sở đăng kiểm đã được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy được ban hành đồng bộ với Nghị định này. |  |
| **Điều 5. Điều kiện chung**  Cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành. | **\* UBND tỉnh Tuyên Quang**  **Tại Điều 5, Điều 10**: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung cụm từ “**và hệ thống quản lý**” vào văn bản:  Sửa “*Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia…*”  Thành “*Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia…*”  Lý do, để phù hợp với quy định của **Điều 8** “*Điều kiện về* ***hệ thống quản lý*** *của cơ sở đăng kiểm*”, **Điều 13** “*Điều kiện về* ***hệ thống quản lý*** *của cơ sở kiểm định khí thải*” của Dự thảo. | Tiếp thu và chỉnh lý dự thảo | Cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **\* UBND tỉnh Thanh Hóa**  Tại Điều 5 Chương II “Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm” quy định: “Điều kiện chung” đang bao gồm cả cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Đề nghị thống nhất, phân rõ tên nội dung áp dụng với từng đối tượng tại Chương II, Chương III. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo, vì quy định tại Điều 5 thuộc Chương II chỉ áp dụng đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, không áp dụng đối với cơ sở kiểm định khí thải. |  |
| **\* Bộ Công thương**  Điều 5 dự thảo Nghị định quy định “*Cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất... theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiêm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành*”. Như vậy, có thể hiểu rằng ngoài các điều kiện về cơ sở vật chất quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành, cơ sở đăng kiểm còn phải đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất khác quy định tại Nghị định này. Tuy nhiên, quy định về điều kiện của Xưởng kiểm định tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định trùng với yêu cầu về Xưởng kiểm định tại dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải xây dựng và đang lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan tại văn bản số 9505/BGTVT-KHCN&MT ngày 30/8/2024. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét lại nội dung này để tránh sự trùng lặp | Tiếp thu và chỉnh lý dự thảo theo hướng chuyển nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 của dự thảo Nghị định về dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiêm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | **Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất**  1…  2. Xưởng kiểm định  Xưởng kiểm định phải đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **\* Sở GTVT Tuyên Quang**  Tại Điều 5. Điều kiện chung (thuộc Chương II) và Điều 10 (thuộc Chương III): Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung nội dung “*Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực* và hệ thống quản lý *theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia…*”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý Điều 5, Điều 10 dự thảo. | **Điều 5. Điều kiện chung**  Cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy  **Điều 10. Điều kiện chung**  Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 5: đề nghị bỏ cụm từ “do Bộ Giao thông vận tải ban hành” để tránh có cách hiểu tiếp tục giao ban hành Quy chuẩn tại Nghị định vì việc ban hành Quy chuẩn này đã được giao tại điểm e khoản 5 Điều 43 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Tương tự đề nghị rà soát đối với quy định tại Điều 10. Đồng thời, để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp*”. |
| **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Tại Điều 5: Đề nghị bỏ cụm từ “cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành” cho phù hợp với nội dung của Chương II. | Giải trình:  Cụm từ “*cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy*” tại Điều 5 là thuộc tên của Quy chuẩn. |  |
| **Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất**  1. Mặt bằng cơ sở đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất, có diện tích được quy định như sau:  a) Đối với cơ sở đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m2;  b) Đối với cơ sở đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m2;  c) Đối với cơ sở đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m2;  d) Đối với cơ sở đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m2. | **\* Sở GTVT Bình Định**  - Tại khoản 1 Điều 6. Đề nghị sửa đổi thành: “Mặt bằng cơ sở đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất, **không ảnh hưởng đến các khu vực dân cư xung quanh**, có diện tích được quy định như sau:” | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai, thực hiện. |  |
| **\* UBND tỉnh Nghệ An**  Tại khoản 1 Điều 6, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa như sau: “*Mặt bằng cơ sở đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất,* ***đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường****, có diện thích được quy định như sau*”  Lý do: Trong quá trình thực hiện các công đoạn kiểm định xe cơ giới sẽ có tác động đến môi trường như: tiếng ồng, khí thải, chất thải lỏng, Do đó, cần đảm bảo yêu cầu “*đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*”. | Giải trình:  Nội dung này đã được quy định rõ tại khoản 2 Điều 8 của dự thảo. |  |
| 2. Xưởng kiểm định  a) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);  b) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);  c) Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;  d) Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này. |  | Cơ quan soạn thảo rà soát và chỉnh lý dự thảo cho phù hợp với quy định, vì nội dung này đã được đưa vào dự thảo QCVN về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | 2. Xưởng kiểm định  Xưởng kiểm định phải đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| 3. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành, đảm bảo kiểm tra được đầy đủ các hệ thống, tổng thành, chi tiết của xe cơ giới tham gia giao thông để đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. | **\* Bộ Công thương**  3. Khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định “*Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành...*”. Đề nghị làm rõ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại khoản này là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành hay một quy chuẩn kỹ thuật quốc gia riêng về các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 3. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 6 khoản 3: đề nghị dẫn chiếu rõ “*quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành*” là quy chuẩn nào để đảm bảo tính rõ ràng. Đồng thời làm rõ theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ là quy định tại điều khoản điểm nào. |
| **Điều 7. Điều kiện về cơ cấu tổ chức, nhân lực**  1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở đăng kiểm phải có tối thiểu các bộ phận sau:  a) Bộ phận lãnh đạo: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách cơ sở đăng kiểm để tổ chức quản lý, điều hành cơ sở đăng kiểm; trong đó có tối thiểu 01 lãnh đạo đơn vị đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định được quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Bộ phận kiểm định: Gồm phụ trách bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên kiểm định để thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật của phương tiện;  c) Bộ phận văn phòng: Gồm nhân viên nghiệp vụ và các nhân viên khác để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định. | **\* Sở GTVT Phú Yên**  Tại điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo: “*a) Bộ phận lãnh đạo: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách cơ sở đăng kiểm để tổ chức quản lý, điều hành cơ sở đăng kiểm; trong đó có tối thiểu 01 lãnh đạo đơn vị đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định được quy định tại khoản 3 Điều này*;” đề nghị bỏ cụm từ: “*trong đó có tối thiểu 01 lãnh đạo đơn vị đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định được quy định tại khoản 3 Điều này;*”. Vì đã được quy định tại điểm a khoản 2 điều này: “a) *Có tối thiểu 01 lãnh đạo có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này*;”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở đăng kiểm phải có tối thiểu các bộ phận sau:  a) Bộ phận lãnh đạo: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách cơ sở đăng kiểm được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để tổ chức quản lý, điều hành cơ sở đăng kiểm;  b) Bộ phận kiểm định: Gồm lãnh đạo bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên kiểm định để thực hiện kiểm định phương tiện;  c) Bộ phận văn phòng: Gồm nhân viên nghiệp vụ và các nhân viên khác để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định. |
| 2. Nhân lực của cơ sở đăng kiểm gồm:  a) Có tối thiểu 01 lãnh đạo có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Có tối thiểu 01 phụ trách bộ phận kiểm định;  c) Dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên kiểm định bảo đảm thực hiện đủ các công đoạn kiểm định. Các nhân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tham gia kiểm định tại các dây chuyền kiểm định và được tính là đăng kiểm viên kiểm định trên dây chuyền kiểm định;  d) Có nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc được quy định tại khoản 9 Điều 3 của Nghị định này. | **\* Sở GTVT Cần Thơ**  Đề nghị bổ sung và sửa đổi thành:  “*c) Một dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên kiểm định bảo đảm thực hiện đủ các công đoạn kiểm định.* ***Trường hợp, bố trí 05 đăng kiểm viên trên 02 dây chuyền kiểm định thì mỗi (hoặc một) đăng kiểm viên có thể bố trí thực hiện 01 công đoạn kiểm định của cả 02 dây chuyền.*** *Các nhân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tham gia kiểm định tại các dây chuyền kiểm định và được tính là đăng kiểm viên trên dây chuyền kiểm định.*”  - Lý do: Đề nghị bổ sung cụm từ “*Trường hợp, bố trí 05 đăng kiểm viên trên 02 dây chuyền kiểm định thì mỗi (hoặc một) đăng kiểm viên có thể bố trí thực hiện 01 công đoạn kiểm định của cả 02 dây chuyền*”, là nhằm tạo điều kiện cho đơn vị đăng kiểm có khu vực kiểm tra khí thải riêng biệt so với nhà xưởng có thể bố trí 01 đăng kiểm viên thực hiện công đoạn 4 (kiểm tra khí thải) của cả 02 dây chuyền kiểm định, bình quân mỗi ĐKV thực hiện 02 công đoạn. | Giải trình:  Dự thảo Nghị định chỉ quy định số lượng đăng kiểm viên tối thiểu trên mỗi dây chuyền kiểm định, còn việc phân công, bố trí đăng kiểm viên thực hiện các công đoạn trên dây chuyền là do cơ sở đăng kiểm chủ động quyết định. |  |
|  | Cơ quan soạn thảo rà soát và chỉnh lý tiêu đề khoản 2 dự thảo cho logic với khoản 1 Điều này. | 2. Nhân lực của cơ sở đăng kiểm phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 01 người ký giấy chứng nhận có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Có tối thiểu 01 lãnh đạo bộ phận kiểm định;  c) Dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên kiểm định bảo đảm thực hiện đủ các công đoạn kiểm định. Các nhân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tham gia kiểm định tại các dây chuyền kiểm định và được tính là đăng kiểm viên kiểm định trên dây chuyền kiểm định;  d) Có nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc được quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này. |
| 3. Điều kiện đối với lãnh đạo cơ sở đăng kiểm được phân công ký giấy chứng nhận kiểm định  a) Được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm định xe cơ giới tại đơn vị.  b) Phải là đăng kiểm viên kiểm định bậc cao hoặc đăng kiểm viên kiểm định đã thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên kiểm định tối thiểu 36 tháng. | **\* UBND tỉnh Kon Tum**  Đề nghị xem xét, sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 8 như sau:  “*b) Là công chức, viên chức có trình độ đại học chuyên ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí hoặc là đăng kiểm viên kiểm định bậc cao hoặc đăng kiểm viên kiểm định đã thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên kiểm định tối thiểu 36 tháng*.”  Lý do: Để phù hợp với mô hình của các đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển lãnh đạo các trung tâm đăng kiểm. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 3. Người ký giấy chứng nhận kiểm định phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:  a) Là lãnh đạo cơ sở đăng kiểm có chứng chỉ đăng kiểm viên kiểm định còn hiệu lực;  b) Là lãnh đạo bộ phận kiểm định được ủy quyền theo quy định của pháp luật. |
| **\* Sở GTVT Đồng Nai**  3. Về điều kiện của Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm  Đối với kết quả kiểm định thì Phụ trách Bộ phận kiểm định phải chịu trách nhiệm chính, do đó đề nghị xem xét, sửa đổi điều kiện của Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm được phân công ký giấy chứng nhận kiểm định theo hướng chỉ cần là Đăng kiểm viên và được bổ nhiệm theo quy định. |
| **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Đề nghị sửa đổi thành:  “b) Phải là đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới bậc cao”.  Lý do: Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm được phân công ký giấy chứng nhận kiểm định phải là đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới bậc cao, vì đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới bậc cao được tập huấn nghiệp vụ với các nội dung cao hơn đăng kiểm viên kiểm định, đặc biệt là nội dung về kỹ năng quản lý, tổ chức hoạt động kiểm định xe cơ giới tại cơ sở đăng kiểm. |
| **\* Sở GTVT Cần Thơ**  - Đề nghị bổ sung thêm điểm c vào khoản 3 Điều 7  “*c) Trường hợp đặc biệt, Người đứng đầu cơ sở đăng kiểm có thể ủy quyền cho cấp Trưởng phòng phụ trách bộ phận kiểm định hoặc Phụ trách dây chuyền ký giấy chứng nhận kiểm định nhưng phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại điểm b khoản này*.”  - Lý do: Đề nghị bổ sung khoản này là cơ bản phù hợp với khoản 3 Điều 13 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, đồng thời, nhằm có người thay thế ký giấy chứng nhận kiểm định trong các trường hợp lãnh đạo cơ sở đăng kiểm được phân công ký giấy chứng nhận kiểm định phải nghỉ ốm đau, nghỉ do việc hiếu, hỉ, do bận công tác phối hợp với cơ quan chức năng địa phương… |
| 4. Điều kiện đối với nhân viên nghiệp vụ  a) Trình độ chuyên môn tối thiểu tốt nghiệp trung cấp.  b) Được tập huấn nghiệp vụ kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 7 khoản 4 điểm b: đề nghị xem xét lại quy định “*Được tập huấn nghiệp vụ kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải*” vì việc tiếp tục giao Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về tập huấn nghiệp vụ sẽ không đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp*”. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo để có căn cứ triển khai thực hiện tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên nghiệp vụ. |  |
| **\* Sở GTVT Bình Định**  - Tại điểm a khoản 4 Điều 7. Đề nghị sửa đổi thành: Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên **có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ theo quy định**. | Giải trình:  Giữ nguyên quy định như dự thảo để đảm bảo phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai, thực hiện. |  |
| **Điều 8. Điều kiện về hệ thống quản lý của cơ sở đăng kiểm**  Cơ sở đăng kiểm phải xây dựng hệ thống quản lý của đơn vị để đảm bảo thực hiện các nội dung công việc sau: | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 8: đề nghị xem xét lại các quy định tại điều này vì đây là trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm không phải là điều kiện về hệ thống quản lý cơ sở đăng kiểm. | Giải trình:  Hệ thống quản lý của cơ sở đăng kiểm là một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm định của cơ sở đăng kiểm. |  |
| **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Đề nghị quy định rõ hơn điều kiện về Hệ thống quản lý gồm có những gì? (tài liệu, hồ sơ, sổ sách …), để cho cơ sở đăng kiểm dễ dàng thực hiện và cơ quan có thẩm quyền dễ dàng kiểm tra, đánh giá trong quá trình cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá duy trì hoạt động kiểm định. | Giải trình:  Hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001. |  |
| 1. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 1: đề nghị xem xét lại quy định *“... theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định*” vì việc dẫn chiếu chung chung này sẽ dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 1. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới theo đúng quy định. |
| 2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy. | **\* UBND tỉnh Lạng Sơn**  1. Tại khoản 2 Điều 8. Điều kiện về hệ thống quản lý của cơ sở đăng kiểm: đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; **tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra là phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường**. Trong quá trình kiểm định, cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy”, để đảm bảo thống nhất theo quy định của Luật Đo lường về sử dụng phương tiện đo. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy. |
| **\* Sở GTVT Hưng Yên**  d) Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Chương II như sau:  “*2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các* ***phương tiện đo****, thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường;* ***tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường****. Trong quá trình kiểm định, cơ sở đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy*.” |
| 3. Thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 3: đề nghị làm rõ “*các khoản thu khác*” là các khoản thu nào, cơ sở của các khoản thu này để đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch và khả thi trong quá trình thực hiện. | Giải trình:  Ngoài khoản thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định, còn một số khoản thu khác mà pháp luật không cấm như: hoa hồng đại lý bảo hiểm phương tiện xe cơ giới; dán tem và mở tài khoản thu phí tự động không dừng và bất kỳ dịch vụ nào mà luật không cấm như trông giữ xe qua đêm ...  Đơn vị thực hiện thu các khoản nêu trên và nộp thuế (nếu có) theo đúng quy định. |  |
| 4. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và nội dung các thông báo khác theo quy định. | **\* Sở GTVT tỉnh Ninh Bình**  2. Tại khoản 4 Điều 8 và khoản 4 Điều 13, đề nghị Ban Soạn thảo bổ sung thêm số điện thoại đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải tại địa phương. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 4. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải địa phương và nội dung các thông báo khác theo quy định. |
| **\* Sở GTVT Cần Thơ**  - Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*Sở Giao thông vận tải địa phương*” và điều chỉnh khoản 4 thành:  “*4. Niêm yết công khai tại khu vực văn phòng: các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam,* ***Sở Giao thông vận tải địa phương*** *và nội dung các thông báo khác theo quy định*.”  - Lý do: Sở Giao thông vận tải là cơ quan được phân cấp quản lý trực tiếp các cơ sở đăng kiểm ở địa phương. |
| **\* UBND tỉnh Sơn La**  Đề nghị sửa thành:  4. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, **Sở Giao thông vận tải** và nội dung các thông báo khác theo quy định.  Lý do: Bổ sung nội sung niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải, để tăng cường quản lý, kịp thời nắm bắt đề xuất, kiến nghị của tổ chức, cá nhân. |
| **\* UBND tỉnh Lào Cai**  Tại khoản 4 Điều 8 và khoản 4 Điều 13: *“4. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và nội dung các thông báo khác theo quy định.”*  Đề nghị sửa đổi như sau: “4. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, *Sở Giao thông vận tải địa phương* và nội dung các thông báo khác theo quy định.” Lý do: Các Sở Giao thông địa phương là đơn vị quản lý trực tiếp các cơ sở kiểm định, cần phải nắm bắt kịp thời để xử lý các phản ánh của người dân. |
| **\* UBND Tp Hà Nội**  Tại khoản 4 Điều 8: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “Sở Giao thông vận tải” sửa thành: Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, **Sở Giao thông vận tải** và nội dung các thông báo khác theo quy định. |
| 5. Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 5: đề nghị làm rõ “*thực hiện truyền số liệu, báo cáo theo quy định*” là quy định nào. | Giải trình:  Quy định về việc truyền số liệu, báo cáo được quy định cụ thể tại Thông tư kiểm định ban hành đồng bộ với nghị định này. |  |
| 6. Quản lý, cấp phát các loại ấn chỉ, chứng chỉ kiểm định đúng quy định. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 6: đề nghị làm rõ “*Quản lý, cấp phát tem kiểm định đúng quy định*” là quy định nào. | Giải trình:  Quy định về việc quản lý, cấp phát tem kiểm định đúng quy định được quy định cụ thể tại Thông tư kiểm định ban hành đồng bộ với nghị định này. |  |
| 7. Trong vòng 18 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở đăng kiểm phải đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001. |  |  |  |
| **Chương III**  **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CỦA CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI** | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Chương II: đề nghị thuyết minh rõ cơ sở của việc quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy vì tại khoản 1 Điều 43 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ chỉ quy định “***Cơ sở đăng kiểm*** *là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường* ***đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng*** *được tổ chức, hoạt động theo quyđịnh của Chính phủ*”. Như vậy, tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ không quy định Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Mặt khác, tại danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư cũng không có “kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy”. | Giải trình:  - Tại mục 74 Phụ lục IV của Luật Đầu tư năm 2020 quy định: “*Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới*” là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.  - Tại khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định xe cơ giới bao gồm cả xe mô tô, xe gắn máy.  - Tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 quy định xe mô tô, xe gắn máy phải được kiểm định về khí thải.  Vì vậy, căn cứ các Luật nêu trên, cần phải quy định điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |  |
| **Điều 9. Nguyên tắc hoạt động**  1. Chỉ tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy mới được phép hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  2. Hoạt động kiểm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật. |  |  |  |
| 3. Đối với cơ sở kiểm định khí thải lưu động phải được bố trí đảm bảo cho hoạt động kiểm định thuận tiện, an toàn, không gây cản trở giao thông. | **\* UBND tỉnh Kon Tum**  Tại khoản 3 Điều 9 của dự thảo có quy định:  Đề nghị bổ sung quy định phạm vi hoạt động của cơ sở kiểm định khí thải lưu động để tránh trường hợp cơ sở kiểm định khí thải lưu động do địa phương này cấp phép có tổ chức hoạt động tại địa phương khác gây khó khăn cho công tác quản lý. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo, lý do: cơ sở kiểm định khí thải lưu động có thể di chuyển để đáp ứng nhu cầu kiểm định khí thải tại nhiều địa phương. |  |
| **Điều 10. Điều kiện chung**  Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải ban hành. |  | Tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh Thanh Hóa và chỉnh lý dự thảo. | **Điều 10. Điều kiện chung**  Cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hệ thống quản lý theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| **Điều 11. Điều kiện về cơ sở vật chất**  1. Mặt bằng cơ sở kiểm định khí thải là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên cùng một khu đất và phải đáp ứng các quy định sau:  a) Có diện tích tối thiểu 35 m2 và mỗi vị trí kiểm định phải có diện tích tối thiểu 6 m2.  b) Có các khu vực sau: khu vực kiểm định; khu vực để xe; khu vực văn phòng (không bắt buộc đối với cơ sở kiểm định lưu động). | **\* Sở GTVT Bình Định**  Tại khoản 1 Điều 11. Đề nghị sửa đổi thành “Mặt bằng cơ sở kiểm định khí thải là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên cùng một khu đất, **không ảnh hưởng đến các khu vực dân cư** xung quanh và phải đáp ứng các quy định sau:” | Giải trình: giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai, thực hiện. |  |
| **\* UBND tỉnh Nghệ An**  Tại khoản 1 Điều 11, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa như sau: “*Mặt bằng cơ sở kiểm định khí thải là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên cùng một khu đất,* ***đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*** *và phải đáp ứng các quy định sau:*”  Lý do: Trong quá trình thực hiện các công đoạn kiểm định xe cơ giới sẽ có tác động đến môi trường như: tiếng ồng, khí thải, chất thải lỏng,… Do đó, cần đảm bảo yêu cầu “*đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*”. | Giải trình: nội dung này đã được quy định rõ tại khoản 2 Điều 13 của dự thảo. |  |
| 2. Thiết bị kiểm định khí thải phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |  |  |  |
| **Điều 12. Điều kiện về nhân lực**  Nhân lực của cơ sở kiểm định khí thải phải có tối thiểu 01 đăng kiểm viên kiểm định được cấp chứng chỉ theo quy định. | **\* UBND tỉnh Bình Thuận**  Tại Chương III, Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của cơ sở kiểm định khí thải, đề nghị bổ sung:  **Điều 12 “Điều kiện về nhân lực”**  - Nhân lực của cơ sở kiểm định khí thải phải có tối thiểu 01 đăng kiểm viên kiểm định được cấp chứng chỉ theo quy định để ký vào biên bản kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy.  (*Lý do bổ sung: Nhằm xác định rõ trách nhiệm của đăng kiểm viên kiểm định về kết quả kiểm tra khí thải*).  - Có tối thiểu 01 lãnh đạo đơn vị theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về hoạt động của cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại đơn vị.  (*Lý do bổ sung: Để nâng cao trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động kiểm định khí thải tại đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ sở kiểm định khí thải*). | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo | **Điều 12. Điều kiện về nhân lực**  Nhân lực của cơ sở kiểm định khí thải phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 01 lãnh đạo chịu trách nhiệm về hoạt động của cơ sở kiểm định khí thải;  b) Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên kiểm định được cấp chứng chỉ theo quy định. |
| **\* UBND tỉnh Thanh Hóa**  Tại Chương III Điều 12: “**Điều kiện về nhân lực**”. Đề nghị bổ sung cụm từ thành “**Điều kiện về cơ cấu tổ chức và nhân lực**”, để làm rõ và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 10 của Nghị định này. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo và bỏ cụm từ “cơ cấu tổ chức” tại Điều 10, lý do: việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy dự kiến kiểm định đơn giản (kiểm định, dán tem) do đó không cần quy định về cơ cấu tổ chức đối với cơ sở kiểm định khí thải để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ. |  |
| **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phải có người đại diện theo pháp luật. Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên khí thải xe mô tô, xe gắn máy được cấp chứng chỉ theo quy định và 01 nhân viên văn phòng. | Tiếp thu một phần và chỉnh lý dự thảo | **Điều 12. Điều kiện về nhân lực**  Nhân lực của cơ sở kiểm định khí thải phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 01 lãnh đạo chịu trách nhiệm về hoạt động của cơ sở kiểm định khí thải;  b) Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên kiểm định được cấp chứng chỉ theo quy định. |
| **Điều 13. Điều kiện về hệ thống quản lý của cơ sở kiểm định khí thải**  Cơ sở kiểm định khí thải phải xây dựng hệ thống quản lý của đơn vị để đảm bảo thực hiện các nội dung công việc sau: | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 13: đề nghị xem xét lại các quy định tại điều này vì đây là trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm không phải là điều kiện về hệ thống quản lý cơ sở đăng kiểm. | Giải trình:  Hệ thống quản lý của cơ sở kiểm định khí thải là một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm định. |  |
| **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Đề nghị quy định rõ hơn điều kiện về Hệ thống quản lý gồm có những gì? (tài liệu, hồ sơ, sổ sách …), để cho cơ sở đăng kiểm dễ dàng thực hiện và cơ quan có thẩm quyền dễ dàng kiểm tra, đánh giá trong quá trình cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá duy trì hoạt động kiểm định. | Giải trình:  Cơ sở kiểm định khí thải phải xây dựng hệ thống quản lý để thực hiện hiệu quả các nội dung quy định tại Điều 13. |  |
| 1. Thực hiện kiểm định và cấp tem kiểm định cho xe mô tô, xe gắn máy theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 1: đề nghị xem xét lại quy định *“... theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định*” vì việc dẫn chiếu chung chung này sẽ dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. | Giải trình:  Nội dung này đang được thực hiện trên thực tế và không có phát sinh vướng mắc. |  |
| 2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị kiểm định phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, cơ sở kiểm định khí thải phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy. |  |  |  |
| 3. Thu giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 3: đề nghị xem xét lại quy định “Thu giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy” vì hiện nay Luật Giá không có quy định về “giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy”; đồng thời đề nghị làm rõ “các khoản thu khác” là các khoản thu nào, cơ sở của các khoản thu này để đảm bảo tính rõ ràng, khả thi trong quá trình thực hiện. | Giải trình:  Việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy sẽ được thực hiện theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ ban hành. Các Bộ, ngành liên quan cần xây dựng, ban hành các quy định trong đó có quy định về giá dịch vụ để thực hiện theo lộ trình. |  |
| 4. Niêm yết công khai tại khu vực văn phòng: các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và nội dung các thông báo khác theo quy định. | **\* Sở GTVT tỉnh Ninh Bình**  2. Tại khoản 4 Điều 8 và khoản 4 Điều 13, đề nghị Ban Soạn thảo bổ sung thêm số điện thoại đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải tại địa phương. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 4. Niêm yết công khai tại khu vực văn phòng: các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải địa phương và nội dung các thông báo khác theo quy định. |
| **\* UBND tỉnh Sơn La**  Đề nghị sửa thành:  4. Niêm yết công khai tại khu vực văn phòng: các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, **Sở Giao thông vận tải** và nội dung các thông báo khác theo quy định.  Lý do: Bổ sung nội sung niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải, để tăng cường quản lý, kịp thời nắm bắt đề xuất, kiến nghị của tổ chức, cá nhân. |
| **\* UBND Tp Hà Nội**  Tại khoản 4 Điều 13: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “*Sở Giao thông vận tải*” sửa thành: Niêm yết công khai tại khu vực văn phòng: các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam, **Sở Giao thông vận tải** và nội dung các thông báo khác theo quy định. |
| 5. Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 5: đề nghị làm rõ “thực hiện truyền số liệu, báo cáo theo quy định” là quy định nào. | Giải trình:  Quy định về việc truyền số liệu, báo cáo được quy định cụ thể tại Thông tư kiểm định ban hành đồng bộ với nghị định này. |  |
| 6. Quản lý, cấp phát tem kiểm định đúng quy định. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 6: đề nghị làm rõ “Quản lý, cấp phát tem kiểm định đúng quy định” là quy định nào. | Giải trình:  Quy định về việc quản lý, cấp phát tem kiểm định đúng quy định được quy định cụ thể tại Thông tư kiểm định ban hành đồng bộ với nghị định này. |  |
| **Chương IV**  **NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI** |  |  |  |
| **Điều 14. Quy định về niên hạn sử dụng**  1. Không quá 25 năm đối với: ô tô chở hàng (ô tô tải), ô tô chở hàng chuyên dùng (ô tô tải chuyên dùng), xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ. |  |  |  |
| 2. Không quá 20 năm đối với: ô tô chở người có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái), ô tô chở người chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. | **\* UBND tỉnh Thanh Hóa**  2. Tại khoản 2, Điều 14, khoản 3 Điều 15. Đề nghị thống nhất cách gọi hai cụm từ “*ô tô chở người có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái)*” và “*xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người láixe)*” thành “***xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe)***” để đồng nhất trong cách gọi theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 2. Không quá 20 năm đối với: ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), ô tô chở người chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. |
| **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Tại khoản 2 Điều 14: Đề nghị điều chỉnh cụm từ “*ô tô chở người có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái)*” thành “*ô tô chở người có từ 9 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái)*” để phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông. |
| 3. Không quá 20 năm đối với xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh. | **\* UBND tỉnh Vĩnh Long**  Đề nghị ban soạn thảo xem xét, sửa đổi, bổ sung một số nội dung dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:  - Bỏ khoản 3 Điều 14 của dự thảo Nghị định. Lý do: xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh cũng là ô tô chở người chuyên dùng (đã được quy định tại khoản 2).  - Hoặc nhập chung khoản 2 và khoản 3 Điều 14 thành “*Không quá 20 năm đối với: ô tô chở người có từ 10 chỗ ngồi trở lên (kể cả chỗ người lái), ô tô chở người chuyên dùng, xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ*”. |
|  | **\* UBND tỉnh Lào Cai**  Đề nghị bổ sung khoản 3a điều 14 với nội dung như sau:  *“3a. Không quá 20 năm đối với xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe) tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.”* Lý do: Đối với các phương tiện kinh doanh vận tải như xe Taxi, xe hợp đồng cần quy định niên hạn khi tham gia kinh doanh vận tải để đảm bảo an toàn; trong Nghị định về kinh doanh vận tải cũng đã có quy định với loại phương tiện này. | Giải trình:  - Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, ATGTĐB không quy định niên hạn đối với loại phương tiện này.  - Ngoài ra, quy định về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi đã được quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP. |  |
| 4. Các loại xe không áp dụng niên hạn sử dụng bao gồm:  a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 08 người (không kể người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;  b) Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. | **\* Sở GTVT Tuyên Quang**  Đề nghị bỏ điểm b, Khoản 4, Điều 14 Chương IV quy định: Các loại xe không áp dụng niên hạn sử dụng bao gồm: b) Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh”. Lý do: Đã được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 2 trong Dự thảo Nghị định. | Tiếp thu ý kiến và bỏ khoản này. |  |
| **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 14 khoản 4: đề nghị xem xét lại quy định này vì đã loại trừ tại đối tượng áp dụng (Điều 2). |
| **\* Sở GTVT Đồng Tháp**  Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 14 của dự thảo Nghị định như sau:  “a*) Xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô chở người có số người cho phép chở đến 09 người (kể cả người lái xe), xe ô tô chuyên dùng, rơ moóc, sơ mi rơ moóc*;”  - Lý do: để tạo sự đồng bộ giữa khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 14 giúp người dễ dàng nắm bắt hơn: không tính niên hạn sử dụng đối với xe ôtô chở người đến 9 chỗ, từ 10 chỗ trở lên niên hạn sử dụng là 20 năm. |
| **\* UBND tỉnh Tuyên Quang**  **Tại điểm b khoản 4 Điều 14**, quy định: “*Xe cơ giới của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh*”, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bỏ điểm này. Lý do bỏ, nội dung đã được quy định **tại điểm b khoản 2 Điều 2** của Dự thảo Nghị định. |
| **Điều 15. Niên hạn sử dụng của xe cải tạo**  1. Xe có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe không có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe trước khi cải tạo;  2. Xe không có niên hạn sử dụng cải tạo thành xe có niên hạn sử dụng thì áp dụng quy định về niên hạn của xe sau khi cải tạo; |  |  |  |
| 3. Xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), xe ô tô chở người chuyên dùng cải tạo thành xe ô tô chở hàng (kể cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng); xe chở người bốn bánh có gắn động cơ cải tạo thành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thì được áp dụng quy định về niên hạn của xe sau cải tạo. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 15 khoản 3: đề nghị xem xét lại quy định “... chở từ 09 người trở lên (không kể người lái)” vì Luật Trật tự, an toán giao thông đường bộ đang sử dụng cụm từ “từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của ngưới lái xe)”. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo vì đã phù hợp với Luật Trật tự, ATGTĐB. |  |
| **Điều 16. Xác định niên hạn sử dụng**  1. Thời điểm tính niên hạn sử dụng  a) Niên hạn sử dụng của xe cơ giới được tính bắt đầu từ năm sản xuất xe đến hết ngày 31 tháng 12 của năm hết niên hạn sử dụng.  b) Một số trường hợp đặc biệt khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, niên hạn sử dụng được tính từ năm đăng ký xe ô tô lần đầu. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 1 điểm b: đề nghị xem xét lại quy định “Một số trường hợp đặc biệt khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp*”. | Giải trình:  Nội dung này để giải quyết một số trường hợp đặc biệt (ví dụ: xe niêm cất,…). |  |
| **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Tại khoản 1 Điều 16: Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh thành “*Niên hạn sử dụng của xe cơ giới theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông*”. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính rõ ràng và dễ áp dụng. |  |
| 2. Niên hạn sử dụng của ô tô quy định tại Điều 14 Nghị định này được xác định căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:  a) Số nhận dạng của xe (số VIN);  b) Số khung của xe;  c) Các tài liệu kỹ thuật: Catalogue, sổ tay thông số kỹ thuật, phần mềm nhận dạng hoặc các thông tin của Nhà sản xuất;  d) Thông tin trên nhãn mác của Nhà sản xuất được gắn hoặc đóng trên ô tô;  đ) Hồ sơ lưu trữ như: Giấy chứng nhận chất lượng; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với ô tô sản xuất trong nước; Biên bản kiểm tra hoặc nghiệm thu, Giấy chứng nhận chất lượng phương tiện cơ giới đường bộ cải tạo đối với ô tô cải tạo; Hồ sơ gốc do cơ quan công an quản lý; Chứng từ nhập khẩu. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 2 điểm c: đề nghị việt hóa từ “Catalogue”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 2. Niên hạn sử dụng của ô tô quy định tại Điều 14 Nghị định này được xác định căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:  …  c) Các tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất.  … |
| 3. Ô tô không có ít nhất một trong những tài liệu, hồ sơ, cơ sở nêu tại khoản 2 của Điều này được coi là hết niên hạn sử dụng. |  |  |  |
| **Chương V**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** |  |  |  |
| **MỤC 1. LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI, KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY** | **\* Sở GTVT Hưng Yên**  b) Tại Chương V, đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa các từ “MỤC” thành “Mục” cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đồng thời trình bày lại như sau:  **“Mục 1**  **LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNHXE CƠ GIỚI, KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY”**  **“Mục 2.**  **LIÊN QUAN ĐẾN NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI”** | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo theo hướng ghép chung phần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. |  |
| **Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**  1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;  2. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện khoản 3 Điều 4 Nghị định này; |  |  |  |
| 3. Chủ trì xây dựng, ban hành quy định giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về giá. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 17 khoản 3: đề nghị xem xét lại quy định này vì hiện nay Luật Giá không có quy định về “giá dịch vụ liên quan đến hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy”. | Giải trình: kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy cũng là hoạt động kiểm định xe cơ giới nên cần quy định về giá dịch vụ để thống nhất thực hiện. |  |
|  | Cơ quan soạn thảo bổ sung trách nhiệm của Bộ GTVT cho phù hợp với quy định. | 4. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. |
|  |  | Cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an cho phù hợp với quy định. | **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an**  Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin chuyên ngành sau đây: Cơ sở dữ liệu về đăng ký xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ; Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ. |
| **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**  1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về đo lường đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 1: đề nghị xem xét lại quy định “Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền ...” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp*”. | Tiếp thu ý kiến và tiến hành rà soát quy định. |  |
| 2. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về đo lường. | **\* Sở GTVT Bình Định**  Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, do đó bổ sung, sửa đổi Khoản 2 Điều 18 như sau: “2. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về đo lường”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 2. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về đo lường. |
| **\* UBND tỉnh Nghệ An**  Tại khoản 2 Điều 18, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa như sau:  “*2. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan đến tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra* ***và quản lý hoạt động kiểm định,*** *hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về đo lường*”.  Lý do: Nhằm phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực đo lường của Bộ Khoa học và Công nghệ được quy định tại Điều 54 Luật Đo lường năm 2011. |
|  | **\* UBND tỉnh Lào Cai**  Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 18 (Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ) nội dung như sau:  *“3. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tại các địa phương phối hợp với Sở Giao thông vận tải để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo theo quy định của Luật đo lường.”*  Lý do: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 thì trách nhiệm về thanh tra, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định sẽ do Bộ Khoa học và Công nghệ mà cụ thể ở địa phương theo quản lý ngành sẽ là Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện (là đơn vị chuyên ngành về đo lường). Vậy Sở Giao thông vận tải sẽ chỉ phối hợp trong kiểm tra hoặc kiểm tra các thiết bị đó có hoạt động hay không còn kiểm tra về độ chính xác sẽ do đơn vị chuyên ngành kiểm tra. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo vì trách nhiệm trong việc thanh tra, kiểm tra, kiểm định , hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo theo quy định của Luật đo lường đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác. |  |
| **Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**  1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;  2. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ việc thành lập các cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Nghị định này. | **\* UBND tỉnh Kon Tum**  Tại Điều 19 của dự thảo quy định về Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Đề nghị xem xét, bổ sung thêm nội dung “*phê duyệt danh mục, số lượng hoặc kế hoạch phát triển cơ sở kiểm định khí thải trên địa bàn phù hợp với số lượng phương tiện xe mô tô, xe gắn máy”* để thực hiện nội dung *“kiểm soát chặt chẽ việc thành lập các cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Nghị định này*” được quy định tại khoản 2 Điều 19 của dự thảo. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo theo hướng bỏ quy định “*kiểm soát chặt chẽ việc thành lập các cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Nghị định này*”. | 2. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên địa bàn. |
| **Điều 20. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**  1. Tổ chức thanh tra chuyên ngành, kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên phạm vi cả nước; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm. |  |  |  |
| 2. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu kiểm định, truyền số liệu, quản lý dữ liệu xe cơ giới, xe mô tô, xe gắn máy kiểm định và cơ sở dữ liệu đăng kiểm viên kiểm định trên cả nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu xe cơ giới, xe mô tô, xe gắn máy kiểm định với các cơ quan chức năng để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước; tổ chức việc cảnh báo trên Chương trình Quản lý kiểm định đối với các phương tiện vi phạm theo đề nghị của cơ quan chức năng. | **\* Sở GTVT Đồng Nai**  2. Về phần mềm, cơ sở dữ liệu kiểm định  Tại khoản 2 Điều 20, đề nghị bổ sung thêm dữ liệu các Đơn vị đăng kiểm (địa chỉ, cơ cấu tổ chức, danh sách Đăng kiểm viên, nhân viên, thời gian hoạt động, ...), được kết nối, cập nhật từ các Cổng (Trang) thông tin điện tử của các địa phương. | Tiếp thu ý kiến và sẽ nghiên cứu để chỉnh sửa phần mềm trong thời gian tới. |  |
|  | Cơ quan soạn thảo chỉnh lý trách nhiệm của Cục ĐKVN theo hướng ghép phần trách nhiệm quy định tại Điều 23 Mục 2. | **Điều 21. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**  1. Tổ chức thanh tra chuyên ngành, kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên phạm vi cả nước; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm.  2. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu kiểm định, truyền số liệu, quản lý dữ liệu kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và cơ sở dữ liệu đăng kiểm viên kiểm định trên cả nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy kiểm định với các cơ quan chức năng để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước; tổ chức việc cảnh báo trên Chương trình Quản lý kiểm định đối với các phương tiện vi phạm theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và phối hợp với Cục Cảnh sát giao thông cảnh báo đối với các trường hợp phương tiện vi phạm hành chính.  3. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý. |
| **Điều 21. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**  Tổ chức quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan khác trên địa bàn |  | Cơ quan soạn thảo chỉnh lý trách nhiệm của Cục ĐKVN theo hướng ghép phần trách nhiệm quy định tại Điều 24 Mục 2. | **Điều 22. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**  1. Tổ chức quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; thanh tra, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan khác tại địa phương.  2. Tuyên truyền, phổ biến quy định về niên hạn sử dụng của xe cơ giới đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang khai thác sử dụng ô tô tại địa phương để thực hiện.  3. Triển khai thực hiện việc đăng, gỡ cảnh báo trên phần mềm cảnh báo xe cơ giới của Cục Đăng kiểm Việt Nam đối với các phương tiện vi phạm khi chủ phương tiện chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương. |
| **Điều 22. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải**  1. Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; bảo đảm các phương tiện đo phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường. | **\* UBND tỉnh Lạng Sơn**  Tại khoản 1 Điều 22. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải: đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; bảo đảm các phương tiện đo phải hoạt động bình thường; **tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường**”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 1. Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường. |
| **\* Sở GTVT tỉnh Ninh Bình**  3. Tại Điều 22. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải, đề nghị Ban Soạn thảo bổ sung quy định “*Báo cáo kết quả kiểm định về Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Giao thông vận tải*”. | Giải trình:  Việc báo kết quả thực hiện công tác kiểm định đã được Quy định tại dự thảo Thông tư quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu, cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy mà Bộ GTVT đang xây dựng, có hiệu lực từ 01/01/2025, cùng thời điểm Nghị định này có hiệu lực, do đó không cần quy định tại dự thảo Nghị định. |  |
| **\* UBND tỉnh Sơn La**  Đề nghị sửa thành:  1. Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; bảo đảm các phương tiện đo phải hoạt động bình thường **và còn thời hạn kiểm tra, kiểm định**; tuân thủ việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường.  Lý do: Bổ sung thêm nội dung còn thời hạn kiểm tra, kiểm định đối với các phương tiện đo, để quy định rõ trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. | Giải trình:  Thời hạn kiểm định đã được bao hàm trong nội dung “*tuân thủ việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường*” của dự thảo. |  |
| **\* UBND Tp Hà Nội**  Tại khoản 1 Điều 22 bổ sung thêm cụm từ “*và còn hạn hiệu lực*”, sửa thành: Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; bảo đảm các phương tiện đo phải hoạt động bình thường **và còn hạn hiệu lực**; tuân thủ việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường. |
| 2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đánh giá tình trạng kỹ thuật của xe cơ giới; bảo vệ môi trường của xe cơ giới và xe mô tô, xe gắn máy. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 2: đề nghị làm rõ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” là cơ quan nào để đảm bảo tính rõ ràng. | Giải trình:  Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể là các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu phối hợp trong công tác giám định tư pháp như: Cục ĐKVN, Sở GTVT, Cơ quan điều tra, … |  |
| 3. Bảo đảm thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở cơ sở đăng kiểm đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 3: đề nghị bỏ cụm từ “đăng kiểm”. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | 3. Bảo đảm thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. |
| **\* Sở GTVT tỉnh Quảng Nam**  Tại Điều 22 của Dự thảo đề nghị bổ sung như sau:  “Điều 22. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải  3. Bảo đảm thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần (**trừ ngày nghỉ Lễ theo quy định**); thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở cơ sở đăng kiểm đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo vì quy định về ngày nghỉ lễ, tết đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. |  |
|  | **\* Sở GTVT tỉnh Quảng Nam**  Đề nghị bổ sung:  7. Tiếp nhận và sử dụng phần mềm quản lý kiểm định do Cục Đăng kiểm Việt Nam chuyển giao theo quy định.” | - Giải trình:  Hiện nay, Bộ GTVT đang xây dựng dự thảo Thông tư Quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, theo đó đã quy định trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô xe gắn máy “*Sử dụng thống nhất hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, phần mềm kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy do Cục Đăng kiểm Việt Nam chuyển giao và các phần mềm điều khiển thiết bị kiểm tra do Cục Đăng kiểm Việt Nam công bố”* do vậy không cần quy định tại dự thảo Nghị định này. |  |
| 4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |  |  |  |
| 5. Quản lý, giám sát hoạt động kiểm định tại đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. | **\* TTĐK XCG thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc**  Đề nghị sửa đổi thành: “5. Quản lý, kiểm tra, giám sát nội bộ đối với hoạt động kiểm định tại đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải.”.  Lý do: Quy định cụ thể hơn để cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm hơn trong việc kiểm tra, giám sát nội bộ, phòng tránh xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. | Giữ nguyên như dự thảo. |  |
| 6. Được yêu cầu cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các hành vi cản trở hoạt động của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 6: đề nghị làm rõ “cơ quan bảo vệ pháp luật” là cơ quan nào để đảm bảo tính rõ ràng. | Giải trình:  Cơ quan bảo vệ pháp luật được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. |  |
|  |  | Cơ quan soạn thảo bổ sung trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải theo hướng ghép phần trách nhiệm tại Mục 2. | 7. Báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và Phòng Cảnh sát giao thông địa phương theo quy định.  8. Thực hiện việc đăng cảnh báo đối với phương tiện kiểm định có kết quả không đạt và gỡ cảnh báo sau khi phương tiện đã kiểm định có kết quả đạt trên phần mềm cảnh báo xe cơ giới. |
| **MỤC 2. LIÊN QUAN ĐẾN NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI** |  |  |  |
| **Điều 23. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam**  1. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới trong toàn quốc thực hiện các công việc sau đây:  a) Xác định năm sản xuất, lập danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng theo định kỳ hàng năm;  b) Báo cáo theo yêu cầu danh sách ô tô hết hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam;  c) Thông báo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng cho Phòng Cảnh sát giao thông và Thanh tra giao thông các địa phương để theo dõi, kiểm tra, quản lý đồng thời thông báo công khai tại đơn vị để có cơ sở cho nhân dân và chính quyền địa phương giám sát. | **\* UBND tỉnh Thanh Hóa**  Tại điểm b, khoản 1 Điều 23 quy định: “*Báo cáo theo yêu cầu danh sách ô tô hết hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam*”. Đề nghị điều chỉnh cụm từ “***hết hạn sử dụng***” tại điểm b, khoản 1 Điều 23 và khoản 2, điều này thành: “**hết niên hạn sử dụng**” để tuân thủ hướng dẫn từ ngữ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo theo hướng chuyển về trách nhiệm của sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải | **Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải**  …  7. Báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và Phòng Cảnh sát giao thông địa phương theo quy định. |
| **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  - Khoản 1: đề nghị xem xét lại việc giao “Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn, chỉ đạo ...” để tránh việc giao Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành văn bản chứa nội dung cá biệt. | Giải trình:  Nội dung này chỉ bao hàm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong khuôn khổ quy định tại dự thảo. |  |
| **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 1 điểm c: đề nghị chỉnh lý cụm từ “Thanh tra giao thông” thành “Thanh tra đường bộ” để đảm bảo phù hợp với Điều 83 Luật Đường bộ. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo theo hướng chuyển về trách nhiệm của sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải | **Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm, cơ sở kiểm định khí thải**  …  7. Báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và Phòng Cảnh sát giao thông địa phương theo quy định. |
| **\* Sở GTVT Phú Yên**  Tại điểm b khoản 1 Điều 23 Dự thảo “*b) Báo cáo theo yêu cầu danh sách ô tô hết hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam*”, đề nghị bổ sung cụm từ *Sở Giao thông vận tải* vào sau cụm từ *Cục Đăng kiểm Việt Nam* thành: “*b) Báo cáo theo yêu cầu danh sách ô tô hết hạn sử dụng về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải để phối hợp quản lý*”; |
| 2. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Khoản 2: đề nghi chỉnh lý cựm từ “Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt” thành “Cục Cảnh sát giao thông”. |
| **\* UBND tỉnh Sơn La**  Đề nghị sửa thành:  2. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, **Sở Giao thông vận tải** để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý.  Lý do: Bổ sung nội dung thông báo cho Sở Giao thông vận tải để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý. |
| **\* Sở GTVT Phú Yên**  Tại khoản 2 Điều 23 dự thảo: “*2. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý*.”. Để nghị bổ sung cụm từ “*Sở Giao thông vận tải*” vào khoản này thành “*2. Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Sở Giao thông vận tải để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý*.” |
| **\* UBND Tp Hà Nội**  Tại khoản 2 Điều 23: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “*Sở Giao thông vận tải*” sửa thành: Định kỳ hàng năm, tập hợp danh sách ô tô hết hạn sử dụng theo lộ trình, thông báo cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, **Sở Giao thông vận tải** để phối hợp theo dõi, kiểm tra, quản lý. |
| 3. Giải quyết, xử lý các trường hợp có thắc mắc, khiếu nại, tố cáo theo quy định hiện hành. |  |  |  |
| **Điều 24. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**  1. Tuyên truyền, phổ biến quy định về niên hạn sử dụng của xe cơ giới đến mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đang khai thác sử dụng ô tô tại địa phương để thực hiện.  2. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ đạo các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương tổ chức thực hiện Nghị định này. |  | Cơ quan soạn thảo ghép phần Điều 24 vào Điều 21 cho phù hợp. |  |
| **Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký xe cơ giới**  1. Thực hiện việc thu hồi biển số đối với các xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định. | **\* Sở GTVT Quảng Nam**  Tại Điều 25 của Dự thảo đề nghị bổ sung như sau:  “Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký xe cơ giới  **2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu đăng ký xe cơ giới, xe mô tô, xe gắn máy với các cơ quan chức năng để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước**.” | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo theo hướng bỏ trách nhiệm của cơ quan đăng ký xe cơ giới và bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an. | **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an**  Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin chuyên ngành sau đây: Cơ sở dữ liệu về đăng ký xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ; Cơ sở dữ liệu về hành trình của phương tiện giao thông đường bộ. |
| **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 25: đề nghị cân nhắc đề xuất trách nhiệm này tại Thông tư quy định về đăng ký xe do Bộ Công an chủ trì soạn thảo. |
| **\* Sở GTVT Trà Vinh**  - Tại Điều 25, đề nghị điều chỉnh lại như sau:  “Điều 25. **Trách nhiệm của cơ quan đăng ký xe cơ giới**  Thực hiện việc thu hồi biển số đối với các xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định.”  Lý do: Tại Điều 25 của Nghị định không có khoản 2 trở đi. |
| **Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông**  1. Thực hiện niên hạn sử dụng được quy định tại Điều 14, Điều 15 của Nghị định này. |  |  |  |
| 2. Có kế hoạch đổi mới phương tiện. | **\* Bộ Công thương**  Khoản 2 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông phải “*Có kế hoạch đôi mới phương tiện*”. Việc có hay không có kế hoạch đổi mới phương tiện là quyền của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông. Do đó, đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý khi đưa ra quy định này. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. | **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tham gia giao thông**  Thực hiện niên hạn sử dụng được quy định tại Điều 14, Điều 15 của Nghị định này. |
| **\* Sở GTVT Phú Yên**  Tại khoản 2 Điều 26 dự thảo “2*. Có kế hoạch đổi mới phương tiện*.”. Đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “*khuyến khích chuyển đổi sang phương tiện giao thông thân thiện với môi trường*” thành “2*. Có kế hoạch đổi mới phương tiện; khuyến khích chuyển đổi sang phương tiện giao thông thân thiện với môi trường*.” để phù hợp với lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của lĩnh vực GTVT theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. |
| **Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp** | **\* Sở GTVT Hưng Yên**  c) Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa tên của Điều 27: “Điều khoản chuyển tiếp” thành “*Quy định chuyển tiếp*” cho phù hợp với quy định tại Điều 73 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo. |  |
| 1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng.  2. Chứng chỉ đăng kiểm viên đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực. |  |  |  |
| 3. Các cơ sở đăng kiểm tiếp tục áp dụng theo biểu giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới hiện hành cho đến khi ban hành biểu giá mới. | **\* Vụ Pháp chế - Bộ GTVT**  Điều 27 khoản 3: đề nghị xem xét lại quy định này vì việc áp dụng biểu giá dịch vụ đăng kiểm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. | Giải trình:  Giữ nguyên như dự thảo để có căn cứ thực hiện. |  |
| 4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. |  | Cơ quan soạn thảo rà soát và bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 và đối với các xe chở tiền, xe chờ người bốn bánh có gắn động cơ để phù hợp với quy định. | **Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp**  1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng.  2. Chứng chỉ đăng kiểm viên đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực.  3. Các cơ sở đăng kiểm tiếp tục áp dụng theo biểu giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới hiện hành cho đến khi ban hành biểu giá mới.  4. Các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định này.  5. Quy định về niên hạn sử dụng của các loại **xe chở tiền**, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại Điều 14 Nghị định này không áp dụng đối với xe có năm sản xuất trước năm có hiệu lực của Nghị định này.  6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. |
| **Điều 28. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau:  a) Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  b) Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  c) Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;  d) Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT ngày 10/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người. | **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  Tại khoản 1 Điều 28: Đề nghị nghiên cứu quy định pháp luật về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 28 cho phù hợp. | Cơ quan soạn thảo tiếp thu, nghiên cứu và chỉnh lý dự thảo. | **Điều 26. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau:  a) Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  b) Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;  c) Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính ph;  d) Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;  đ) Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT ngày 10/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người. |
| 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC Ý KIẾN KHÁC** | **Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** |
| **\* Sở GTVT tỉnh Lai Châu**  **Về bố cục:**  Tại Chương V dự thảo Nghị định cơ quan soạn thảo đang thiết kế theo bố cục gồm: Chương, Mục, Điều, Khoản, Điểm. Theo đó, trong chương V có 02 mục gồm “*Mục 1. Liên quan đến điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và Mục 2. Liên quan đến niên hạn sử dụng của xe cơ giới*”. Tuy nhiên, việc thiết kế bố cục như dự thảo văn bản sẽ bị trùng lắp một số nội dung quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan như: *Trách nhiệm của Cục Đăng*  *kiểm Việt Nam, Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải*.  Do đó, để dự thảo văn bản được ngắn gọn, khoa học hơn và không bị trùng lắp, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát thiết kế lại bố cục trình bày văn bản tại chương V dự thảo Nghị định theo hướng lược bỏ tên của mục 1 và mục 2 và chỉnh sửa thiết kế lại bố cục gồm; Chương, điều, khoản, điểm. Theo đó, những nội dung quy định trách nhiệm của cùng một cơ quan, đơn vị tại mục 1 và mục 2 sẽ gộp chung vào một điều, như vậy sẽ đảm bảo logic và khoa học hơn. | Giữ nguyên như dự thảo, lý do:  Dự thảo Nghị định quy định này có 02 nội dung lớn là: (1) quy định về điều kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; (2) quy định về niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người tham gia giao thông trên hệ thống đường bộ. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan như Cục ĐKVN, Sở GTVT đối với 02 nội dung này là khác nhau, do đó, cần tách ra 02 Mục để đảm bảo rõ ràng và thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện. |
| **\* Bộ Công thương**  4. Đề nghị làm rõ cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lưu động sẽ hoạt động như thế nào cũng như cơ chế giám sát của Cục ĐKVN và Sở GTVT tại địa phương đối với hoạt động của các cơ sở này. | Nội dung này sẽ được quy định tại Thông tư cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải ban hành đồng bộ theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ ban hành. |
| **\* Sở GTVT Tuyên Quang**  1. Đề nghị Vụ Khoa học – Công nghệ và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải xem xét lại nội dung: Văn bản số 9537/BGTVT-KHCN&MT ngày 30/8/2024 về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định về **kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới**, niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới. Tuy nhiên, trong nội dung của văn bản và thành phần hồ sơ gửi kèm không khớp với tiêu đề nội dung xin ý kiến, cụ thể: Xin ý kiến đối với hồ sơ Dự thảo Nghị định Quy định **về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy**; niên hạn sử dụng của xe cơ giới. | Giải trình:  Dự thảo Nghị định lần này được bổ sung quy định đối với cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020 và Luật Trật tự, ATGTĐB năm 2024 và cho rõ đối tượng áp dụng. |
| Đề nghị bổ sung nội dung quy định về điều kiện kinh doanh kiểm định xe máy chuyên dùng. Lý do: Hiện nay chưa có Nghị định của chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe máy chuyên dùng vì vậy cần thống nhất các quy định về điều kiện kinh doanh kiểm định đối với các đối tượng tham gia giao thông đường bộ trong một Nghị định. | Giải trình:  Luật Đầu tư năm 2020 không quy định điều kiện kinh doanh đối với kiểm định xe máy chuyên dùng. |
| **\* Sở GTVT Đồng Nai**  1. Về quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới  Đề nghị xem xét, bổ sung vào Nghị định các nội dung quy định cụ thể về quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới, các hành vi vi phạm, biện pháp chế tài, trách nhiệm và thẩm quyền xử lý, để việc thực hiện có cơ sở pháp lý, thống nhất giữa các địa phương. | Các hành vi, vi phạm và chế tài xử lý không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này. |
| **\* Bộ Y tế**  Việc quy định về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; niên hạn sử dụng của xe cơ giới, góp phần trong việc giảm thải khí thải nhà kính, hướng tới mục tiêu Net-Zero. Tuy nhiên việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy cần xem xét tới khả năng thực tế triển khai, do vậy đề nghị Quý Bộ xem xét lộ trình thực hiện đảm bảo triển khai phù hợp. | Việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy sẽ được thực hiện theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ ban hành trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| **\* Sở GTVT Hà Nam**  Liên quan việc tổ chức thực hiện tại Chương V của dự thảo Nghị định:  - Hiên nay, việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định được thực hiện: Đối với ‘‘**thiết bị phân tích khí xả, độ ồn và thước đo**’’ (*thiết bị đo nhóm 2*) được các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đo lường thực hiện kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn, sau đó các thiết bị được dán tem hoặc quản lý bằng số seri thiết bị.  - Đối với các ‘‘**thiết bị kiểm tra phanh, thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe, thiết bị đo độ khói, thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước**’’ (*thiết bị đo nhóm 1*) do các đơn vị cung cấp thiết bị phối hợp với các đơn vị đăng kiểm để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất, ngoài ra các đơn vị cung cấp thiết bị còn cung cấp và cài đặt phần mềm sử dụng thiết bị kiểm định cho các đơn vị đăng kiểm.  - Để đảm bảo tính đồng bộ trong công tác quản lý, cũng như thể hiện trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung: **Quy định về trách nhiệm đối với đơn vị cung cấp thiết bị như đang thực hiện đối với các thiết bị nhóm 2**, để ràng buộc trách nhiệm đối với thiết bị, phần mềm của mình cung cấp ra thị trường. Trong thời gian tới, đề nghị tiếp tục nghiên cứu bổ sung quy định để việc thực hiện kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo thuộc nhóm 1 được thực hiện và quản lý như thiết bị đo thuộc nhóm 2. | Giải trinh:  Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1 được quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Đo lường năm 2011. |
| **\* UBND tỉnh Tuyên Quang**  Đề nghị cơ quan dự thảo xem xét, bổ sung nội dung **quy định về điều kiện kinh doanh kiểm định xe máy chuyên dùng**. Lý do: Hiện nay chưa có Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe máy chuyên dùng vì vậy cần thống nhất các quy định về điều kiện kinh doanh kiểm định đối với các đối tượng tham gia giao thông đường bộ trong một Nghị định. | Giải trình:  Luật Đầu tư năm 2020 không quy định điều kiện kinh doanh đối với kiểm định xe máy chuyên dùng. |
| **\* Thanh tra Bộ-Bộ GTVT**  I. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ  Tại mục I: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020 và khoản 1 Điều 43 Luật Trật tự, an toàn giao thông là một trong các căn cứ để trình Chính phủ ban hành Nghị định. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo Tờ trình. |
| Tại Chương II, Chương III: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các quy định liên quan Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xa gắn máy (mẫu, thời hạn, thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận…) làm cơ sở để Bộ GTVT ban hành các quy định theo nhiệm vụ được giao tại khoản 5 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. | Quy định về giấy chứng nhận được quy định tại Thông tư cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành đồng bộ với Nghị định. |
| Nội dung khác: Đề nghị rà soát để sửa các cụm từ “*theo quy định của Bộ Giao thông vận tải*” thành “*theo quy định của* ***Bộ trưởng*** *Bộ Giao thông vận tải*”. | Tiếp thu ý kiến và rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị định. |
| **\* Sở GTVT Hưng Yên**  1. Đối với dự thảo Tờ trình.  Đề nghị Cơ quan soạn thảo xây dựng, bố cục lại Mục I của dự thảo Tờ trình cho phù hợp với Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến và chỉnh lý dự thảo Tờ trình. |
| **\* Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông**  - Đề nghị bổ sung quy định về không phải kiểm định lần đầu đối với xe cơ giới mới (nhập khẩu, lắp ráp trong nước nhưng đã đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí về đăng kiểm, về khí thải theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam). | Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định; được quy định tại Thông tư do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành đồng bộ với Nghị định này. |
| - Đề nghị bổ sung quy định về đào tạo đăng kiểm viên, nhân viên kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; cơ sở đào tạo đăng kiểm viên xe cơ giới và kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| - Đề nghị bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình cấp giấy phép của kiểm định viên khí thải xe mô tô, xe gắn máy. |
| - Đề nghị xem xét về cơ sở vật chất của kiểm định khí thái có cần xưởng kiểm định khí thải và cần quy định các điều kiện, tiêu chí của xưởng này. | Nội dung này đã được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành. |
| - Đề nghị bổ sung chi tiết điều kiện về nhân lực của cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy như số lượng nhân viên, cấp độ các nhân viên, vai trò vị trí các nhân viên trong cơ sở. | Đã được quy định rõ tại dự thảo Nghị định. |
| - Đề nghị bổ sung việc cấp chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề cho kiểm định viên khí thải xe mô tô, xe gắn máy để đảm bảo tính đồng bộ của các cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trên cả nước, thời hạn của giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định; được quy định tại Thông tư do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành đồng bộ với Nghị định này. |
| - Đề nghị xem xét bổ sung quy định về vị trí, kiểu dáng tem dán kiểm định khí thải trên xe mô tô, xe gắn máy. | Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định; được quy định tại Thông tư do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành đồng bộ với Nghị định này. |
| - Đề nghị bổ sung quy định về quy chuẩn (tiêu chuẩn) khí thải của xe máy sẽ được áp dụng trong Nghị định này, lộ trình áp dụng để các địa phương có thời gian chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện sau khi Nghị định có hiệu lực thi hành. |
| - Đề nghị xem xét bổ sung quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở kiểm định khí thải trên xe mô tô, xe gắn máy. |
| **\* UBND tỉnh Lào Cai**  Đề nghị bổ sung 01 Điều quy định trách nhiệm của Bộ Tài Chính.  Lý do: Bộ Tài chính là cơ quan ban hành các Thông tư quy định về mức thu phí, lệ phí (ví dụ như Lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật); là cơ quan chuyên ngành về thanh tra, kiểm tra trong hoạt động thu phí và lệ phí tại các đơn vị kinh doanh. | Giải trình:  Theo quy định tại Luật Giá năm 2023, có hiệu lực từ 01/7/2024, theo đó giao Bộ GTVT “*Chủ trì xây dựng, ban hành quy định giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về giá*”, do đó không cần quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính. |
| **\* UBND Tp Hà Nội**  1. Cần thống nhất giữa cụm từ “đăng kiểm xe cơ giới” với “kiểm định xe cơ giới” để có sự thống nhất trên văn bản. | Tiếp thu ý kiến, rà soát và chỉnh lý dự thảo. |
| Liên quan việc tổ chức thực hiện tại Chương V  Hiên nay, việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định được thực hiện: *Đối với thiết bị phân tích khí xả, độ ồn và thước đo* (thiết bị đo nhóm 2) được các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đo lường thực hiện kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn, sau đó các thiết bị được dán tem hoặc quản lý bằng số seri thiết bị.  Tuy nhiên, đối với *các thiết bị kiểm tra phanh, thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe, thiết bị đo độ khói, thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước (thiết bị nhóm 1)* do các đơn vị cung cấp thiết bị phối hợp với các đơn vị đăng kiểm để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất, ngoài ra các đơn vị cung cấp thiết bị còn cung cấp và cài đặt phần mềm sử dụng thiết bị kiểm định cho các đơn vị đăng kiểm.  Do vậy, để đảm bảo tính đồng bộ trong công tác quản lý, cũng như thể hiện trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung: **Quy định về trách nhiệm đối với đơn vị cung cấp thiết bị như đang thực hiện đối với việc kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh như các thiết bị nhóm 2**, để ràng buộc trách nhiệm đối với thiết bị, phần mềm của mình cung cấp ra thị trường.  Đồng thời, đề nghị ban soạn thảo tiếp tục nghiên cứu bổ sung quy định để việc thực hiện kiểm tra, đánh giá, kiểm định và hiệu chuẩn các thiết bị quy về đầu mối là cơ quan chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện và quản lý. | Giải trinh:  Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1 được quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Đo lường năm 2011. |
| **\* UBND Tp Hồ Chí Minh**  Liên quan việc tổ chức thực hiện tại Chương V của dự thảo, Sở Giao thông vận tải có ý kiến như Sau:  Hiện nay, việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiêm định được thực hiện như sau:  - Đối với thiết bị phân tich khí xả, độ ồn và thước đo (thiết bị đo nhóm 2) được các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đo lường thực hiện kiếm tra, kiểm định, hiệu chuẩn, sau đó các thiết bị được đán tem hoặc quản lý bằng số seri thiết bị.  - Đối với các thiết bị kiểm tra phanh, thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe, thiết bị đo độ khói, thiết bị kiếm tra đèn chiếu sáng phía trước (thiểt bị nhóm 1) do các đơn vị cung cấp thiểt bị phổi hợp với các đơn vị đăng kiểm để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh thiểt bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất, ngoài ra các đơn vị cung cấp thiểt bị còn cung cấp và cài đặt phần mềm sử dụng thiết bị kiểm định cho các đơn vị đăng kiểm.  Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiện cứu bổ sung quy định trách nhiệm đơn vị cung cấp thiểt bị thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh (tưong tự như các thiết bị nhóm 2), nhằm ràng buộc trách nhiệm đối với thiết bị, phần mềm của mình cung cấp ra thị trường; đồng thời nghiên cửu bổ sung quy định đê việc thực hiện kiêm tra, đánh giá, kiểm định và hiệu chuẩn các thiết bị quy về đầu mối là cơ quan chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện và quản lý. |

1. Ủy ban Dân tộc; Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND các tỉnh: Sóc Trăng, Bến Tre, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế; Các Sở GTVT: Tiền Giang, Bắc Ninh, Hà Giang, Khánh Hòa, Thái Nguyên, Nam Định, Quảng Trị, Long An, Kiên Giang, Quảng Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Bình Phước, Quảng Ngãi, Bạc Liêu, Cà Mau, Bắc Giang, Cao Bằng, Hậu Giang; Vụ Vận tải-Bộ GTVT. [↑](#footnote-ref-1)
2. Bộ Công thương, Bộ Y tế; UBND các tỉnh: Lạng Sơn, Bình Thuận, Kon Tum, Thanh Hóa, Vĩnh Long, Sơn La, Tuyên Quang, Nghệ An, Lào Cai, Tp Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh; Sở GTVT các tỉnh: Lai Châu, Ninh Bình, Quảng Nam, Tuyên Quang, Đồng Nai, Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Định, Cần Thơ, Thái Bình, Hà Nam, Phú Yên, Hưng Yên; Vụ Pháp chế-Bộ GTVT, Thanh tra Bộ, Vụ Kết cầu hạ tầng GT-Bộ GTVT; TTĐK thuộc Sở GTVT Vĩnh Phúc. [↑](#footnote-ref-2)